

QUAN NIỆM VÀ THÀNH TỰU TRƯỚC THUẬT VĂN CHƯƠNG CỦA BÙI HUY BÍCH

Vũ Thị Thanh

Trường Đại học Thái Bình

Tóm tắt: Bùi Huy Bích là nhà nho, nhà văn hóa tiêu biểu của Việt Nam thời trung đại. Cuộc đời và sự nghiệp của ông để lại nhiều dấu ấn trong lịch sử phong kiến Việt Nam thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX. Bên cạnh vai trò là một nhà chính trị, ông còn được biết đến với vai trò là nhà trước thuật, người viết và biên soạn sách vở. Trong sự nghiệp của mình, ông đã nhiều lần đưa ra những ý kiến, những quan niệm và bàn luận về văn chương cũng như để lại một khối lượng tác phẩm tương đối lớn và có giá trị. Bài viết sau đây khái quát những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp cũng như quan niệm văn học và thành tựu trước thuật văn chương của Bùi Huy Bích.

Từ khóa: Bùi Huy Bích, quan niệm văn học, thành tựu văn chương.

Ngày nhận bài 2.10.2022; phản biện và duyệt đăng ngày 25.11.2022

Liên hệ tác giả: Vũ Thị Thanh; Email: thanhton2511@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Bùi Huy Bích (1744 - 1818), hiệu Tồn Am, tự Hi Chương. Sinh ra và lớn lên trong một gia tộc nổi tiếng có nhiều người học rộng, hiểu cao và thành danh chốn quan trường. Dòng họ Bùi cũng là dòng họ đã có đóng góp nhiều danh nhân văn hóa cho đất Việt, có thể kể đến như: Bùi Bình Trục, Bùi Vịnh, Bùi Nhữ Tích, Bùi Xương Trạch, Bùi Liêm,...

Bùi Huy Bích là cháu năm đời của tiên quận công Bùi Bình Uyên, là cháu ba đời của Bùi Xương Trạch. Thuở nhỏ, ông học tại nhà, năm 17 tuổi theo học Nguyễn Bá Trữ (đỗ Tiến sĩ năm 1754). Năm 19 tuổi ông thi đỗ hương cống, nhưng năm sau trượt thi hội. Sau khi thi trượt, ông theo học Lê Quý Đôn, do có nhiều điều không hài lòng với xã hội đương thời mà đến năm 25 tuổi ông mới thi hội rồi thi đình, đỗ Hoàng giáp. Sau khi đỗ Hoàng giáp ông được trao giữ chức Hàn lâm viện hiệu lý, lên chức Thị chế (1771), rồi được thụ chức Thiêm sai phủ liên tri hộ phiên, kiêm chức Đông các hiệu thư. Năm 1777, ông lĩnh chức Đốc đồng Nghệ An, rồi vào Thuận Hóa tuyên dụ. Ông ở Hoan Châu khá lâu, từ năm 1777 đến năm Cảnh Hưng 42 (1781). Thời gian này ông chịu nhiều vất vả, khó khăn. Ông có công dẹp loạn tại Nghệ An và bị phái vào Thanh Hóa điều tra công tội của tướng sĩ vào tình hình nhân dân. Sau đó năm 1781 ông được chúa Trịnh Sâm triệu về triều, trao chức Nhập thị bồi tụng. Năm 1782, ông được cử làm Hành quyền tham tụng kiêm Quốc tử giám tế tửu, tước Kế liệt hầu. Thời cuộc nhiễu nhương, bản thân ngày càng chán nản nhất là sau khi can gián Trịnh Sâm bỏ con trưởng lập thứ. Năm 1785, ông từ quan về dưỡng

bệnh tại Bích Câu, Hà Nội. Thời cuộc đổi dời, các triều đại thay nhau lên nắm quyền, ông vẫn ở ẩn và liên tiếp đổi chỗ ở coi như đi ở ẩn. Bùi Huy Bích mất năm 1818 thọ 75 tuổi.

2. NỘI DUNG

2.1. Quan niệm văn chương của Bùi Huy Bích

Bùi Huy Bích sống vào thời kỳ khủng hoảng sâu sắc và bùng nổ dữ dội những mâu thuẫn chất chứa trong lòng xã hội phong kiến. Nhưng cũng chính trong giai đoạn đó nền văn học dân tộc bước vào kỷ nguyên phồn thịnh chưa từng có, văn học chữ Hán và chữ Nôm đều phát triển mạnh mẽ với những tên tuổi lẫy lừng như: Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,... Là một trung thần cuối triều Lê – Trịnh, đồng thời là một danh sĩ, Bùi Huy Bích còn để lại những công trình trước tác và sáng tác văn học có giá trị cao. Thơ ông là một tấm gương phản chiếu cái tâm và cái tài của ông một cách trung thực, khác thường. Làm quan to, dễ sa vào lối sống xa hoa, dễ đắm mê sự hưởng thụ tầm thường, thấp kém. Thế mà ông lại đắm mê sự cao đẹp tinh thần, lặng lẽ yên vui với tâm thế của một triết nhân, hòa hợp với thiên nhiên, với tư thế của một thi sĩ: Nghe tiếng réo rắt của đàn ve, ngắm rập rờn làn sóng lúa,... Bùi Huy Bích có đời sống nội tâm sâu sắc và phong phú. Trong bài *Ngày đông ghi hoài niệm* (Đông nhật kỷ hoài) ông bày tỏ nỗi lòng:

Chưa thành đức nghiệp lưỡng bản khoãn

Lặng lẽ sâu tư thật khó khăn.

Đức nghiệp là đạo đức và sự nghiệp. Cả hai điều đó ông tự cho là chưa có bước tiến nào đáng kể cho nên ông bản khoãn. Bản khoãn đến mức không ngăn nổi mỗi sâu tư trần trọc khi tâm sự:

Tình không tỏ được đành riêng nghĩ

Thơ dẫu tài sơ vẫn thích ngâm

Cười nỗi lòng này canh cánh mãi

Hay vì học Dịch chứa uyên thâm

Hay: *Thẹn không giúp ích cho dân nước*

Cũng chúc quan triều: Tham tụng đây!

Là người trầm mặc, mang nặng những nỗi niềm trước thời cuộc, ông tìm đến văn chương không chỉ như một nơi giải bày tâm sự mà ông còn gửi gắm vào đó cái mong ước, chí khí và cả cái nhìn, quan điểm của ông trước đời sống, xã hội và con người. Ông cũng là người có quan điểm rất rõ ràng về mối quan hệ giữa văn chương và đời sống. Trong *Lữ Trung Tạp Thuyết* ông nhận định khí lực của văn chương gắn liền với sự hùng mạnh của đất nước. Đó là đặc điểm của văn học ta từ trước. Ông phê phán lối văn chương hoa mỹ, trau chuốt, nông cạn và đề cao văn chương gắn liền với thể nước và tục dân, phải liên quan đến chính sự, nhân tài, thịnh – suy của thời cuộc.

Khác biệt với xu thế ngợi ca vương triều, ngợi ca thánh đế, Bùi Huy Bích thiên về bày tỏ những bản khoãn, nghi ngại, ngờ vực trước cuộc sống. Ông hướng tầm mắt về nhân dân, thấu hiểu nỗi khổ của họ. Trong bài *Túc Thạch Xá* (*Ngủ ở Thạch Xá*) có những câu đầy trăn trở:

Kiến thuyết quan binh công lược bạo

Dân gia phiền tịch đẳng vô di

(Nghe nói quan binh công phá dữ
Sạch không manh chiếu của dân này)

Hoặc như trong *Bính Ngọ tuế xuân chính nguyệt sơ nhất nhật hậu, tự kinh để gia hương tác* (Thơ làm sau ngày mùng một tháng giêng năm Bính Ngọ, từ kinh thành về đến quê):

*Chu niên tác khổ kham hành nhạc,
Lân ngã phùng xuân dục phóng hoài.
Chi niệm khứ thu dân thực khiêm,
Tịch tiền bả trản trọng đề hồi.*

(Quanh năm vất vả cũng nên vui chơi
Ta lười, gặp ngày xuân cũng muốn lòng thư thái
Chỉ có điều nghĩ đến người dân thiếu ăn từ mùa thu năm ngoái
Trước mâm cỗ, nâng chén lên lại thấy ngậm ngùi).

Tận mắt chứng kiến nỗi khổ của người dân nên ông luôn đặt ra câu hỏi về trách nhiệm của những người ăn lộc nước, không đồng tình trước những lời nói suông.

Trong bài *Vô đề 1*, ông đặt ra câu hỏi:

*Bỉ nho mặc tác điều nguyên thoại
Nhục thực thù nhân tại miếu đường*

(Kể bỉ nho đừng nói đến chuyện xoay chuyển vận nước
Những kẻ hưởng bổng lộc ở triều đình là những ai?)

Như vậy, có thể coi Bùi Huy Bích là đại biểu xuất sắc của phong trào Thực học tại Việt Nam thời kì này.

2.2. Thành tựu trước thuật văn chương của Bùi Huy Bích.

Hoàng Việt thi tuyển tuyển tập thơ viết bằng chữ Hán từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XVIII, do Bùi Huy Bích biên soạn, nguyên tên là *Thi sao*, được soạn xong từ mùa thu năm Mậu Thân (1788) nhưng mãi đến năm Ất Dậu, niên hiệu Minh Mạng thứ sáu (1825), một người học trò ông là Phạm Hi Văn mới đem khắc và in đặt tên là *Hoàng Việt thi tuyển*. Sách chia làm sáu quyển gồm 116 tác giả và 562 bài thơ tuyển chọn. Trong tuyển tập thơ này ông đã có những lời tâm huyết lí giải về công việc của mình: “Xưa ông Phan Phu Tiên bắt đầu chọn các bài thơ hay về thời Trần và thời đầu Lê, chép thành tập thơ gọi là *Việt âm thi tập*. Ông Lý Tử Tấn theo đó phê bình điểm duyệt. Tiếp theo, ông Dương Đức Nhan có tập thơ *Tinh tuyển*, ông Hoàng Đức Lương có tập thơ *Trích Diễm*. Thầy học tôi là Diên Hà Tiên sinh (Lê Quý Đôn) lại vâng mệnh chép *Toàn Việt Thi Lục*, gồm đủ thơ đời Lý đến đời Hồng Đức. Sau cơn binh hỏa, tôi theo đó dọn bớt và chép thêm một số bài thơ từ niên hiệu Cảnh Thống (1498 - 1504) đến nay, cuối cùng phụ thêm các bài thơ của tôi, bảo bọn học trò sao biên. Tuy chưa chọn đủ thơ của các tác giả để bổ sung các tập thơ trước, nhưng sợ gặp thời biến loạn để lâu bị thất lạc nên đành chọn lựa qua loa, cho tiện cất vào rương tráp để khi nhàn rỗi đem đọc, không dám so sánh với các bản của bốn ông Phan, Dương, Hoàng, Lê. Than ôi, nói đến thơ thì *Kinh Thi* có ba trăm bài thật đã hay lắm, đời Hán có 19 bài thơ cổ, cũng gần được như thế. Từ đó về sau, thanh đàm có thơ của Đào

Tiềm, trầm hùng có thơ của Đỗ Phủ, phiêu dạt có thơ của Lí Bạch, cốt cách thơ mỗi người mỗi khác, nhưng đều có thú riêng.

Nước Việt ta, thơ đời Trần và đầu Lê thì hồn nhiên, thơ Hồng Đức thì trong đẹp, sau đó sút kém. Đến Lê Trung Hưng lời thơ còn mộc mạc, vụng về, đời Vĩnh Thịnh (1705 - 1720), Bảo Thái (1720 - 1729) có phần thông sảng, gần đây các nhà thơ chuộng ý cách, do đó từ nay may ra có vẻ giống thơ Đại Nhã chăng. Thường nghe “thơ để nói chí”: Ông Hậu Quỳnh dạy con vua bằng thi ca thanh lật để nuôi tính tình, thẳng thắn mà ôn hòa, khoan dung mà vững chắc, cứng cỏi mà không tàn bạo, đơn giản mà không kiêu ngạo. Khổng Tử bản *Kinh Thi* nói: Một điều bao trùm tất cả là “nghĩ không vậy”. Nếu biết hoặc theo đó mà xét chọn thì ai cũng là để sửa tâm và nuôi khí, chứ không chỉ để thỏa thích về lời văn hay mà thôi đâu”. Bài viết cũng như bài tựa in đầu sách cho biết việc sưu tầm thơ cũ trước đã có bốn vị tiền bối để lại những công trình nổi tiếng: Phan Phu Tiên, Dương Đức Nhan, Hoàng Đức Lương, Lê Quý Đôn. Như vậy thì tuyên của ông là sự kế tục công trình của nhiều nhà trước thuật trước đó nhất là sau công trình *Toàn Việt thi lục* của Lê Quý Đôn - thầy dạy ông.

Trong *Hoàng Việt thi tuyển*, về mỗi tác giả đều có ghi tiểu sử tóm tắt, về mỗi bài thơ có ghi thể loại: ngũ tuyệt (thơ 5 chữ 4 câu), ngũ ngôn (thơ 5 chữ 8 câu), thất tuyệt (thơ 7 chữ 4 câu), thất ngôn (thơ 7 chữ 8 câu), trường thiên (trên 8 câu). Những bài thơ hay có dấu khuyên bên phải các chữ, nhiều bài có kèm lời chú thích. Phạm vi thu thập của tác phẩm cũng khá đầy đủ, mốc cuối cùng là cuối triều Lê, thêm được những tác gia cuối thời Cảnh Hưng như Phạm Quý Thích, Phạm Nguyễn Du, Hồ Sĩ Đống. Đây là điều mà trong *Toàn Việt thi lục* của Lê Quý Đôn không thấy.

Trong *Hoàng Việt thi tuyển*, Bùi Huy Bích đã đem đến cho người đọc những rung cảm cao, xúc động đến tận đáy lòng bởi ông trước hết là một người yêu thơ, một nhà thơ lại có ý thức sâu sắc trong việc giữ gìn và bảo tồn văn hóa di sản của dân tộc. *Hoàng Việt thi tuyển* giống như một kho tàng nơi lưu giữ những viên ngọc quý - những áng thơ ca của dân tộc suốt khoảng 8 thế kỷ từ triều Lý đến hết triều Lê.

Hoàng Việt văn tuyển tuyển tất cả 113 tác phẩm từ thời Lý đến thời Lê, thuộc 8 thể loại lớn, chia thành 8 quyển. Mỗi tác phẩm trong *Hoàng Việt văn tuyển* thường có lời dẫn về hoàn cảnh sáng tác, nhiều câu kèm chú thích. Cuối mỗi tác phẩm có ghi tên họ và thời đại tác giả, nhưng không ghi tiểu sử như trong *Hoàng Việt thi tuyển*. Cuối quyển một có hai bài ghi là “phụ”, đó là *Phụ Côn Sơn ca* của Nguyễn Trãi và *Phóng cuồng ca* của Trần Quốc Tảng. *Hoàng Việt Văn tuyển* có rất nhiều truyền bản khác nhau có thể kể đến như:

Truyền bản quốc ngữ: Chỉ có một bản duy nhất, do Tô Nam Nguyễn Đình Diệm dịch, Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, xuất bản năm 1972 tại Sài Gòn. Trong bản dịch, dịch giả chú ý dịch sát nghĩa nguyên văn chữ Hán, từ đó mà đạt được mục đích khôi phục nền văn chương chữ Hán của dân tộc. *Hoàng Việt văn tuyển* được dịch ra quốc ngữ được chia thành 3 tập.

Tập 1, bản dịch có 112 trang chữ Việt, phần sau là chữ Hán, bao gồm: Lời nói đầu, Phàm lệ, mục lục. Nội dung tập 1 chỉ có 15 bài phú cổ (cả phiên âm và dịch).

Tập 2, bản dịch có 201 trang chữ Việt, phần sau là chữ Hán, từ quyển 2 đến hết quyển 4, bao gồm 6 thể loại: Ký, minh, văn bia, chí, lục, văn tế.

Tập 3, bản dịch có 347 trang chữ viết, phần sau là chữ Hán, từ quyển 5 đến quyển 8, gồm thể loại chiếu, chế, sách, biểu (đối nội), tạ, khai, tản văn, biểu (đối ngoại), tấu, công văn.

Truyền bản chữ Hán, các truyền bản chữ Hán có đặc điểm chung là bản in trên giấy dó, một tờ hai trang, một trang 9 dòng chữ to, mỗi dòng 23 chữ, có giải thích, dòng to chia thành hai dòng nhỏ in xen vào giữa. Sau các mục trong sách có ghi chú tên sách, xuất xứ dưới từng bài có ghi tên tác giả, không ghi tiểu truyện, chỉ ghi văn đời nào và ghi điển tích, lai lịch đầu đề bài văn ấy, trong bài văn, câu nào có điển tích cũng có ghi nghĩa. Có tất cả 12 truyền bản chữ Hán của *Hoàng Việt văn tuyển* với niên đại hoàn thành năm Ất Dậu (1825) do Phạm Hi Văn khắc in. Trong *Lịch triều hiến chương loại chí* mục “*Văn tịch chí*” chỉ ghi thi tuyển của Bùi Tồn Am mà không thấy ghi văn tuyển. Có thể tác giả làm tập này sau, sang triều Nguyễn ông đưa đi in, thấy Lê Quý Đôn có *Hoàng Việt văn hải* và nhiều sách đương thời có tên kèm hai chữ *Hoàng Việt* nên đã dùng tên *Hoàng Việt văn tuyển*.

Theo Trần Văn Giáp, hiện nay không thấy bộ sách có tên là *Hoàng Việt văn hải* của Lê Quý Đôn. *Hoàng Việt văn hải* gồm 10 quyển, Lê Quý Đôn vâng chỉ biên tập, thu lượm các bài trong sử cũ, các tập thơ văn cũ từ triều Lý (thế kỷ X) đến niên hiệu Hồng Đức (1470 – 1497), hoặc các bài văn ngắn khắc trên mặt chuông, đỉnh, bia đá từ thời Lý, Trần đến thời tiền Lê. Trong đề tựa *Hoàng Việt văn tuyển* Bùi Huy Bích không nói rõ sách này có xuất xứ từ *Hoàng Việt văn hải* nhưng qua khảo sát thì có thể hiểu rằng *Hoàng Việt văn tuyển* là sự tiếp nối của *Hoàng Việt văn hải* về cả tư liệu và phương pháp.

Trong *Thơ văn Lý - Trần*, phần “*Khảo luận văn bản*”, Nguyễn Huệ Chi đã cho chúng ta biết một cách tổng quan về hoạt động sưu tầm, chỉnh lý, biên tập tư liệu văn học qua các giai đoạn của thời trung đại. Bùi Huy Bích đã kế thừa những thành tựu biên khảo đời trước, chịu ảnh hưởng về tư liệu và phương pháp của các nhà ngữ văn học nổi tiếng như Hoàng Đức Lương, Phan Phu Tiên, Dương Đức Nhan, Lê Quý Đôn,... Đặc biệt ông còn tiếp thu thành tựu văn tuyển Trung Quốc qua các bộ văn tuyển lớn như văn tuyển của Tiêu Thống.

Hoàng Việt Văn Tuyển có cấu trúc như sau:

Tên văn bản: *Hoàng Việt văn tuyển*

Tên tác giả: Tồn Am gia tàng hay Bùi Huy Bích

Nhà in: Hi Văn Đường

Tựa: Nguyễn tập viết lời tựa, bàn về chuyện làm thơ, tuyển thơ.

Mục lục: Chia theo 8 quyển, kê thể loại ở mỗi quyển, cuối tiêu đề tác phẩm có tên tác giả.

Nội dung gồm 8 quyển, xếp theo thể loại từ quyển 1 đến quyển 8. Theo sự phân chia của Bùi Huy Bích thì mỗi quyển khuôn về một thể loại, nhưng trong một thể loại lại được chia thành nhiều tiểu loại.

- Quyển 1: Cổ phú, gồm 15 bài

+ *Ngọc Tĩnh liên phú* - Mạc Đĩnh Chi

+ *Bạch Đằng giang phú* - Trương Hán Siêu

+ *Thiên Hưng trấn phú* - Nguyễn Bá Thông

+ *Chí Linh Sơn phú* - Lý Tử Tấn

+ *Chí Linh Sơn phú* - Nguyễn Mộng Tuân

+ *Xương Giang phú* - Lý Tử Tấn

- + *Hạ Hiển Thiên Thánh tiết phú* - Lý Tử Tấn
- + *Dưỡng thuyết phú* - Lý Tử Tấn
- + *Du Tiên nham phú* - Lý Tử Tấn
- + *Lam Sơn giai khí phú* - Nguyễn Mộng Tuân
- + *Tẩy binh vũ phú* - Nguyễn Mộng Tuân
- + *Linh kim tàng phú* - Nguyễn Mộng Tuân
- + *Đồng tước nghiễn phú* - Nguyễn Mộng Tuân
- + *Phụ lục Úc Trai Côn Sơn ca* - Nguyễn Trãi
- + *Phóng cuồng ca* - Trần Quốc Tảng
- Quyển 2: Thể ký, gồm 15 bài ký
- + *Dục Thúy Sơn Linh Tế tháp kí* - Trương Hán Siêu
- + *Khai Nghiêm tự bi kí* - Trương Hán Siêu
- + *Thanh Hư động kí* - Nguyễn Phi Khanh
- + *Quảng Văn đình kí* - Bùi Xương Trạch
- + *Đại bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ đề danh kí* - Thân Nhân Trung
- + *Quang Thuận tứ niên Quý Mùi khoa tiến sĩ đề danh kí* - Đào Cử
- + *Hồng Đức thập nhị niên Tân Sửu khoa tiến sĩ đề danh kí* - Nguyễn Trọng Ý
- + *Cảnh Hưng Quý Mùi khoa tiến sĩ đề danh kí* - Lê Quý Đôn
- + *Gia Định huyện từ vũ bi kí* - Phạm Khiêm Ích
- + *Chu Văn Trinh công miếu bi kí* - Phạm Đình Trọng
- + *Thanh Trì huyện, Văn Điển xã tiên hiền từ chỉ bi kí* - Bùi Tồn Am
- + *Hải Dương phong tục kí* - Phạm lập trai
- + *Nhạo Nhạo đình kí* - Phạm Thạch Động
- + *Tây Hồ tự bi kí* - Phạm Lập Trai
- Quyển 3: Minh, gồm 4 tiểu loại: minh, văn bia, chí, lục có 9 bài
- + *Nhân Tông Mục Lăng bi minh* - Nguyễn Bá Kí
- + *Thánh Tông Chiêu Lăng bi minh* - Thân Nhân Trung
- + *Phật Tích Sơn thiên phúc tự hiển thụ am bi minh* - Nguyễn Bảo
- + *Trung Tân quá bi minh* - Nguyễn Bình Khiêm
- + *Vũ Mục Công nam giới miếu bi* - Nguyễn Như Đồ
- + *Đô đốc Đình công mộ bi* - Lê Thế Vinh
- + *Giáp phủ quân mộ chí* - Nguyễn Trung
- + *Băng hồ di sự lục* - Lê Trãi
- + *Đề Bạch Tị Sơn thần quân chí lược* - Bùi Tồn Am
- Quyển 4: Văn tế gồm 9 bài

- + *Trần Công Tế Hải quận công Phạm công văn* - Trần Danh Thúc
- + *Hào Nam trường môn sinh tế võ thám hoa công văn* - Khuyết danh thị
- + *Tế tiên hậu Hồ công văn* - Bùi Tồn Am
- + *Quế Đường tiên sinh thành phục lễ môn sinh thiết mộ tế văn* - Bùi Tồn Am
- + *Đại nghĩa Niên gia Ngô công tử tế văn* - Bùi Tồn Am
- + *Tế Đản Trai công văn* - Bùi Tồn Am
- + *Dụ tế quốc thích thái phu nhân văn* - Bùi Tồn Am
- + *Phụng nghĩ ân vương thái phi quy lăng lễ trung sa tế đường phụng ngự tế văn* - Bùi Tồn Am
- + *Phụng nghĩ ân vương thái phi quy lăng lễ trung sa tế đường văn võ tôn tế văn* - Bùi Tồn Am
- **Quyển 5: Chiêu, chế, sách, gồm 26 bài**
- + *Tỉ đô Thăng Long chiếu*
- + *Lý Nhân Tông di chiếu*
- + *Dụ thiên hạ hào kiệt chiếu*
- + *Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi
- + *Thuận Thiên cử hiền chiếu*
- + *Hồng Đức hiệu định quan chế dụ*
- + *Nhập nội đô đốc Lê hiệu thăng tư đồ đồng bình chương sự chế* - Nguyễn Bá Kỳ
- + *Gia tư khẩu Lê Ngân đại đô đốc chế*
- + *Gia tả phụ tham tri chính sự Lê Hi Cát tổng quản Tri Bắc đạo vệ chế*
- + *Gia Thái Bảo Lê liệt thái phó quận công chế*
- + *Phong tặng Lê Trãi Tế văn hầu chế*
- + *Tiên quận thượng thư công Bùi Mỗ Gia lễ bộ thượng thư chế*
- + *Tiên quận thượng thư Bùi công hầu tước chế*
- + *Đoan Nghiêm hầu Bùi công thăng quận công tước chế* - Ngô Thì Sĩ
- + *Truy phong tiên hình bộ thượng thư Diển phái hầu Hà quận công chế* - Bùi Tồn Am
- + *Thượng Ý Tông thụỵ sách văn* - Lê Quý Đôn
- + *Thượng Hiến Từ hoàng hậu thụỵ sách văn* - Lê Quý Đôn
- + *Tiết chế Tĩnh quốc công tán phong Tĩnh đô vương sách văn* - Nguyễn Nghiễm
- + *Truy tôn Chiêu Tổ Khang vương kim sách văn* - Bùi Tồn Am
- + *Khâm Thượng nhu nhận Hoàng thái hậu tôn thụỵ kim sách văn*
- + *Truy tôn Hoàng nhu thân hoàng thái hậu mỹ tự kim tiên văn*
- + *Truy phong Triệu khánh Kiêu công ngân kim sách*
- + *Truy phong Hạo khánh công thái phu nhân ngân sách văn*
- + *Lập hoàng tự tôn kim sách văn*
- + *Phụng đặc phong Sùng nhượng công ngân sách văn*

- + *Tấn tôn kim sách văn*
- **Quyển 6: Biểu, khái, bao gồm 3 tiểu thể loại: biểu (đối nội), tạ, khái gồm 22 bài**
 - + *Trừ tả Giám nghị đại phu kiêm tri tam quán sự tạ biểu*
 - + *Thượng tiến Việt âm thi tập biểu* - Phan Phu Tiên
 - + *Khai khoa tứ y quan yển diên tạ biểu* - Nguyễn Trực
 - + *Trừ Nam Sách lộ An phủ sứ tạ biểu* - Nguyễn Trực
 - + *Đông các hiệu thư thăng Đông cá học sĩ tạ biểu*
 - + *Đông cá học sĩ thăng Thiêm đô ngự sử tạ biểu* - Bùi Xương Trạch
 - + *Đại nhập nội thiếu sư dự triều chính Lê Văn Linh từ tri Hải Tây đạo quân dân bạ tịch biểu*
 - + *Đại nhập nội Tư mã tham tri chính sự Lê Tấn hành Thanh Hóa Đô úy quản tri tham dự triều chính tạ biểu*
 - + *Từ thăm hình kiêm Thanh Hóa phủ An phủ sứ biểu*
 - + *Trừ An bang tuyên úy đại sứ tạ biểu*
 - + *Đông Các hiệu thư thăng Đông Các học sĩ tạ biểu*
 - + *Đại nhập nội thiếu sư dự triều chính Lê Văn Linh từ tri Hải Tây đạo quân dân bạ tịch biểu*
 - + *Đại nhập nội Tư mã tham tri chính sự Lê Tấn hành Thanh Hóa Đô úy quản tri tham sự triều chính tạ biểu*
 - + *Từ thăm hình kiêm Thanh Hóa phủ An phủ sứ biểu*
 - + *Trừ An bang tuyên úy đại sứ tạ biểu*
 - + *Trừ Hàn Lâm thị giảng học sĩ tạ biểu*
 - + *Trừ Quốc tử giám giáo thụ tạ biểu*
 - + *Trừ Quốc Tử Giám giáo thụ tạ biểu*
 - + *Trừ Quốc Tử Giám bác sĩ tạ biểu*
 - + *Trừ Quốc Oai trung lộ An phủ phó sứ tạ biểu*
 - + *Trừ Quy Hóa lộ An phủ phó sứ tạ biểu*
 - + *Trừ Lý Nhân lộ An phủ sứ tạ biểu*
 - + *Trừ Thủy Đường huyện chuyển vận sứ tạ biểu*
 - + *Phụng tứ mã tạ biểu*
 - + *Thượng tán ngọc điệp biểu*
 - + *Phụng nghĩ Khâm thượng tôn hiệu biểu* - Bùi Tồn Am
 - + *Phụng sứ cung ban tứ ngự thi tạ khái* - Nguyễn Công Hãng
 - + *Cung tán phụng biên thi tập khái* - Cao Huy Thiều
- **Quyển 7: Tản văn, gồm 11 bài**
 - + *Ma nhai ký công văn* - Nguyễn Trung Ngạn
 - + *Trần Hưng Đạo đại vương dụ chư tỳ tướng hịch văn* - Trần Quốc Tuấn

- + *Cung phụng ngự chế tuế phong kỷ thủy thi phụng thượng ngôn* - Nguyễn Trọng Xác
- + *Cung phụng Ngự chế tình tọa pháp cung cảm thành phụng thượng ngôn* - Nguyễn Trọng Xác
- + *Quỳnh uyển cửu ca thi tập hậu tự* - Đào Cử
- + *Toàn Việt thi lục lệ ngôn* - Lê Quý Đôn
- + *Phụng nghị tấu cáo thái miếu văn* - Nhữ Đình Toàn
- + *Đông Triều Hạ Tham tụng Xuân quận công trí sĩ thi trường tự* - Phan Trọng Phiên
- + *Kỷ Sưu đồng niên khoa Trường Lý Trần công thi trường tự* - Bùi Tồn Am
- + *Phạm huynh dữ đạo tự thuyết* - Phạm Thạch Động
- + *Chu dịch ca quyết tự* - Phạm Lập Trai
- Quyển 8: Biểu tấu, gồm 3 tiểu loại: biểu (đối ngoại), tấu, công văn với 6 bài
- + *Cai quốc tấu bản* - Bùi Bình Uyên
- + *Thần kỳ tấu bản* - Bùi Bình Uyên
- + *Nghĩ Bắc triều phi tư lai văn ngã quốc tuế phong dân ninh như hà như tạ biểu*
- + *Càn Long tuế cống biểu văn nhị đạo* - Bùi Tồn Am
- + *Hải Dương, An Quảng trấn mục đầu báo nội địa khâm châu chính đường trình văn*
- + *An Quảng trấn mục đầu biên nội địa long môn hiệp trấn công văn* – Bùi Tồn Am.

3. KẾT LUẬN

Là học trò xuất sắc của Lê Quý Đôn, Bùi Huy Bích đã có những bước nối tiếp sự nghiệp đồ sộ của thầy mình và nâng nó lên một tầm cao mới với những bước tiến đáng kể. Những bài viết và công trình nghiên cứu về Bùi Huy Bích không đa dạng và phong phú như Lê Quý Đôn cũng một phần bởi ông chưa thể bước qua được cái bóng quá lớn của Thầy mình, nhưng cuộc đời và sự nghiệp của ông cũng đã để lại dấu ấn nhất định trong nền văn hóa và đặc biệt là học thuật nước nhà. Sự nghiệp trước thuật văn chương của ông được coi là điểm sáng của thế kỉ XVIII. Tuy không có nhiều điểm mới và tiến bộ vượt bậc so với Lê Quý Đôn nhưng những thành tựu mà ông để lại được coi như một dấu gạch nối đầy quan trọng giúp cho việc phát triển loại hình nhà nho trước thuật được liên tục, không bị gián đoạn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2005), *Từ điển Hán Việt*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
2. Lê Tam Anh (1976), “Tìm hiểu tổ tiên ta bàn về sách”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Số 4, Hà Nội.
3. Nguyễn Đình Chú (1999), “Vấn đề ngã và phi ngã trong văn học Việt Nam trung cận đại”, *Tạp chí Văn học*, số 5, Hà Nội.
4. Nguyễn Đình Chú (2002), “Vấn đề văn sử triết bất phân trong văn học trung đại Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, số 5, Hà Nội.
5. Phan Huy Chú (1977), “Học giả và thi nhân”, *Tạp chí Văn học*, số 2, Hà Nội.
6. Đoàn Lê Giang (2001), Ý thức văn học cổ Việt Nam trung đại, *Luận án tiến sĩ Ngữ văn*, Trường Đại học KHXH&NV, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Trần Văn Giáp (1971), *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

8. Dương Quảng Hàm (1951), *Việt Nam văn học sử yếu*, Bộ Quốc gia giáo dục, Hà Nội.
9. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

THE LITERARY CONCEPTION AND ACHIEVEMENTS OF BUI HUY BICH

Abstract: *Bui Huy Bich is a typical Confucian and cultural writer of medieval Vietnam. His life and career left many imprints in Vietnam's feudal history. Besides being a politician, he is also known as a narrator, writer and editor. During his career, he repeatedly expressed opinions, concepts and discussions on literature as well as left behind a relatively large and valuable work volume. This article summarizes the main features of Bui Huy Bich's life, career as well as literary conception and literary achievements.*

Keywords: *Bui Huy Bich, literary conception, literary achievements.*